

# ẨN DỤ BỔ SUNG - MỘT HIỆN TƯỢNG NGÔN NGỮ ĐỘC ĐÁO ĐƯỢC SỬ DỤNG NHƯ MỘT PHƯƠNG TIỆN NGHỆ THUẬT ĐẶC SẮC TRONG SÁNG TẠO VĂN HỌC

ThS ĐỖ THI HẰNG

Trong ngôn ngữ giao tiếp người ta đã sử dụng nhiều phương tiện tu từ, vấn đề là các nhà văn, nhà thơ sử dụng để xây dựng hình tượng nghệ thuật như thế nào, vào giai đoạn nào, và ở những thể loại nào để đưa được các phương tiện trong lời nói vào văn học một cách sáng tạo, vừa tái hiện sinh động hiện thực khách quan, vừa thể hiện tính cá thể, màu sắc biểu cảm riêng của người sử dụng ngôn ngữ, để sáng tạo nghệ thuật đạt hiệu quả nghệ thuật cao nhất. Bài viết này sẽ đề cập đến một trong những phương tiện tu từ đó là ẩn dụ bổ sung.

1. Ẩn dụ bổ sung là một hiện tượng ngôn ngữ được các nhà ngôn ngữ học đặt vấn đề nghiên cứu từ rất sớm. Cách đây hơn bốn mươi năm tác giả Đinh Trọng Lạc, trong *Giáo trình Việt ngữ tập 3 (Tu từ học, 1964)* đã định nghĩa như sau:

“Ẩn dụ bổ sung (Métaphore complétive) còn gọi là ẩn dụ chuyển đổi cảm giác (Synesthésie). Đó là sự kết hợp của hai hay nhiều từ, ngữ chỉ những cảm giác sinh ra từ các trung khu cảm giác khác nhau” (tr. 114).

Năm 1982, trong cuốn *Phong cách học tiếng Việt*, tác giả Lê Anh Hiền định nghĩa: “Ẩn dụ bổ sung hay còn gọi

là ẩn dụ chuyển đổi cảm giác là loại ẩn dụ dựa trên cơ sở thay đổi cảm giác” (tr. 156).

Năm 1994, trong cuốn *Phong cách học tiếng Việt*, tác giả Nguyễn Thái Hoà định nghĩa như sau: “Ẩn dụ bổ sung hay còn gọi là ẩn dụ chuyển đổi cảm giác, tức là sự thay thế một cảm giác này bằng một cảm giác khác trong nhận thức cũng như trong diễn đạt ngôn ngữ” (tr. 196).

Là một kiểu nhỏ bổ sung vào nhóm ẩn dụ, ẩn dụ bổ sung là một phương tiện tu từ ngữ nghĩa dựa trên cơ chế của sự so sánh, bắt nguồn từ mối quan hệ tương đồng giữa những đối tượng, vì vậy nó mang nhiều đặc điểm của nhóm ẩn dụ, có tác dụng xây dựng những hình tượng văn học, đem lại hiệu quả tu từ to lớn, giúp nhà thơ, nhà văn miêu tả hiện thực sâu sắc, sinh động, bộc lộ cảm xúc tinh tế... Thí dụ:

*Gì đi một chút heo may  
Để bên ấy biết bên này thu sang,  
(Đặng Nguyệt Anh)*

2. Trước khi là một phương tiện nghệ thuật, ẩn dụ bổ sung đã được dùng nhiều trong lời nói giao tiếp. Chúng ta thường nói: *giọng chị ấy ấm hơn, tiếng nói của anh ta rất ngọt ngào, cái màu đỏ này bức quá, tôi thích màu xanh kia mát hơn, nghe thơm rồi đấy, tôi nghe*

trong người nóng ran lên... Cách nói phổ biến này được các nhà tu từ học gọi là “synesthésie cổ điển” chính là dựa vào tri giác trên cơ sở tương đồng nào đó giữa hai loại cảm giác khác nhau, thí dụ: thính giác + xúc giác, thính giác + vị giác, thị giác + xúc giác. Giọng nói thuộc lĩnh vực âm thanh, là đối tượng cảm nhận đúng của giác quan thính giác, màu đỏ màu xanh thuộc lĩnh vực màu sắc, là đối tượng cảm nhận đúng của giác quan thị giác, nhưng lại được cảm nhận bằng các giác quan khác như xúc giác (ấm, mát), vị giác (ngọt ngào). Sự lệch chuẩn trong diễn đạt này vẫn thường gặp trong khẩu ngữ, trong lời nói tự nhiên, tạo nên những cách diễn đạt hình tượng, làm phong phú thêm các phương tiện ngôn ngữ trong kho tàng tiếng Việt.

Ẩn dụ bổ sung sớm được đưa vào các tác phẩm văn học thời trung đại. Những tác phẩm nổi tiếng của văn học giai đoạn này đều có sử dụng ẩn dụ bổ sung như *Truyện Kiều*, *Chinh phụ ngâm*, và ở giai đoạn đầu thế kỉ như thơ Trần Tế Xương:

Khúc đầu đầm ấm dương hoà  
 Ấy là hồ điệp, hay là Trang sinh?  
 Khúc đầu êm ái xuân tình,  
 Ấy hôn Thục đế, hay mình đồ quận?  
 (Nguyễn Du, *Truyện Kiều*)

Trời không chớp bể chẳng mưa  
 nguồn

Đêm nào đêm nao tớ cũng buồn  
 Bối rối tình duyên cơn gió thoảng  
 Nhạt nhèo quang cảnh bóng trăng  
 suông. (Trần Tế Xương, *Đêm hè*)

Cùng với sự phát triển của văn học Lãng mạn, ẩn dụ bổ sung được dùng rộng rãi và xuất hiện phổ biến trong nhiều thể loại, nhiều tác phẩm, ở nhiều tác giả, đặc biệt tập trung ở các nhà Thơ Mới như Xuân Diệu, Huy Cận, Hàn Mặc Tử, Vũ Hoàng Chương, Thế Lữ, Yên Lan, Bích Khê, Đoàn Phú Tứ v.v. (chúng tôi đã thống kê được hàng trăm thí dụ) với tư cách là một phương tiện tu từ có giá trị biểu đạt xuất sắc của cả một giai đoạn văn học, và sau này vẫn tiếp tục khẳng định giá trị của mình. Vì vậy cùng trong nhóm ẩn dụ ta có thể xem ẩn dụ bổ sung là một sự đổi mới và phát triển các phương tiện nghệ thuật và tiếng Việt trong giai đoạn những năm 30 của thế kỉ XX.

3. Chúng tôi đã tiến hành khảo sát sự phân bố của 1431 ẩn dụ bổ sung thống kê được trong một số tác phẩm văn học Việt Nam từ 1930 đến nay theo từng giai đoạn lịch sử văn học thể hiện ở bảng sau:

| Stt | Giai đoạn văn học | Số ADBS | Số trang | Tỉ lệ  |
|-----|-------------------|---------|----------|--------|
| 1   | 1930 - 1945       | 332     | 6000     | 5,53 % |
| 2   | 1945 - 1975       | 246     | 9000     | 2,73%  |
| 3   | 1975 - nay        | 853     | 20.000   | 4,26%  |

Bảng thống kê trên cho thấy:

(1) Giai đoạn văn học 1930 - 1945 ẩn dụ bổ sung được dùng với tỉ lệ trên

trang viết cao nhất (5,53%), và thành công nhiều nhất do trường phái Thơ Mới chịu ảnh hưởng của lí luận về sự hoà hợp giữa các giác quan, sự tương

ứng giữa hương thơm, màu sắc và âm thanh của thơ tượng trưng Pháp. Hàng loạt tác phẩm nổi tiếng của phong trào Thơ Mới in đậm dấu ấn của quan điểm nghệ thuật "sự tương ứng giữa các giác quan" (Correspondance de sens) như *Huyền diệu, Nguyệt cảm* (Xuân Diệu), *Đi giữa đường thơm* (Huy Cận), *Nhạc* (Hàn Mặc Tử), *Màu thời gian* (Đoàn Phú Tứ), *Sợ người* (Bích Khê), *Tiếng gọi bên sông* (Thế Lữ) v.v.. Xuân Diệu đã lấy câu thơ nổi tiếng của Baudelaire: "Les parfums, les couleurs et les sons se correspondent" (Những mùi hương, những màu sắc và những âm thanh đáp ứng với nhau) trong bài thơ *Corespondance (Tương ứng, tương giao)* trong đó thi sĩ Baudelaire tuyên bố có một sự giống nhau, tương tự, tương đồng giữa tất cả các sự vật mà bề ngoài khác nhau:

*Có những mùi hương mát như da thịt trẻ thơ*

*Dịu như tiếng kèn gõ, xanh như những đồng cỏ*

làm đề từ cho bài thơ *Huyền diệu* của mình. Xuân Diệu cùng với các nhà Thơ Mới khác như Thế Lữ, Vũ Hoàng Chương, Hàn Mặc Tử, Huy Cận... đã làm một "cuộc nổi loạn ngôn từ", sáng tạo một hệ thống ngôn từ mới, trong đó có ẩn dụ bổ sung, theo cách gọi của Đỗ Đức Hiểu là "Ngôn từ Thơ Mới". Hệ thống "Ngôn từ Thơ Mới" mở rộng câu thơ, đi vào chiều sâu của thơ, thể hiện sâu sắc đời sống nội tâm, cái tôi đầy chất trữ tình của người làm thơ và mang lại tính nhạc, tính hiện đại cho thơ.

Valéry cho rằng: "Thơ là sự dao động giữa âm thanh và ý nghĩa". Thơ Mới coi sự "dao động giữa âm thanh và ý nghĩa" là một nguyên tắc sáng tạo và đã tạo ra được sự dao động tuyệt vời, một phần không nhỏ là nhờ ẩn

dụ bổ sung, một trong những đôi mới táo bạo, làm nên những thành công đặc sắc cho nghệ thuật biểu đạt của Thơ Mới, đồng thời góp phần tạo nên sự khác biệt rõ rệt về ngôn ngữ giữa Thơ Mới và thơ ca truyền thống mà trong suốt một thời gian rất dài của những giai đoạn văn học trước các thi nhân của chúng ta chưa làm được như thế.

*Có thể thấy một sự tìm tòi mới mẻ:  
Này lắng nghe em khúc nhạc thơm  
Say người như rượu tối tán hôn  
Như hương thấm đượm qua xương tủy  
Âm diệu thần tiên thấm tận hồn.*

(Xuân Diệu)

*Tiếng ca vắt vèo lưng chừng núi  
Hồn hèn như lời của nước mây.  
Thắm thĩ với ai ngồi dưới trúc  
Nghe ra ý vị và thơ ngây.*

(Hàn Mặc Tử, *Mùa xuân chín*)

*Không gì buồn bằng những buổi  
chiều êm*

*Mà ánh sáng mờ dần cùng bóng tối.  
Gió lướt thướt kéo mình qua cỏ rỏi  
Đêm băng khoáng đôi miếng lán  
trong cảnh.*

(Xuân Diệu, *Đáy mùa thu tới*)

*Đêm mưa làm nhớ không gian  
Lòng run thêm lạnh nổi hàn bao la...*

*Tại nương nước giọt mái nhà*

*Nghe trời nặng nặng, nghe ta buồn  
buồn* (Huy Cận, *Buồn đêm mưa*)

Văn học Việt Nam đến giai đoạn này đòi hỏi khẳng định vai trò của "cái tôi cá nhân", đi sâu khám phá nội tâm, lấy cảm xúc chủ thể làm trung tâm phản ánh. Từ nhu cầu đòi giải phóng, đòi tự do bộc lộ tư tưởng tình cảm, văn học Lãng mạn đã tạo ra những thay đổi táo bạo về cảm xúc, về ngôn

ngữ, về giọng điệu. Trong văn mạch của văn học lãng mạn Việt Nam, Thơ Mới tìm đến những tinh hoa của thơ Pháp từ Ronsard thời Phục hưng đến thơ lãng mạn của Hugo, Lamartine, Musset, và đặc biệt là dòng thơ tượng trưng của Baudelaire, Rimbaud, Verlaine... để đổi mới thơ ca dân tộc. Một trong những biểu hiện của cái mới đó là việc sử dụng rộng rãi ẩn dụ bổ sung làm phương tiện biểu đạt những cảm xúc tinh tế, phức tạp, đa dạng, phong phú của tâm hồn con người thời hiện đại trước thiên nhiên và cuộc sống.

Ẩn dụ bổ sung được sử dụng thành trào lưu trong sáng tác văn học có khởi nguồn từ Baudelaire - một nhà thơ tiêu biểu của chủ nghĩa tượng trưng trong thơ Pháp thời kì hậu lãng mạn, được gọi là "Sự tương giao giữa các giác quan". Thủ pháp này được Baudelaire và các nhà thơ tượng trưng rất coi trọng và được các nhà nghiên cứu đánh giá rất cao, đều thống nhất cho rằng: sự "tổng hoà các giác quan" là "mối tương quan huyền bí tạo nên "sự thống nhất âm u và sâu xa" của vũ trụ, vượt ra ngoài sự cảm nhận hơi hột của các giác quan thông thường", và khẳng định đây là "một thi pháp quan trọng của thơ tượng trưng và thơ hiện đại nói chung, đó là sự chuyển kênh mau lẹ và táo bạo trong tư duy thơ" [5, 138] góp phần làm nên sức hấp dẫn kì lạ của Baudelaire đối với các tài năng trẻ trong phong trào Thơ Mới Việt Nam. Điều đó đã được Xuân Diệu khẳng định trong bài phát biểu tại Trường đại học tổng hợp Sorbonne (Paris) tháng 10/1981: "Với Baudelaire, tôi đi toàn vẹn vào tính chất hiện đại của thơ. Hugo nói là Baudelaire mang lại một rung cảm mới. Có thể nói là từ năm 1932 đến 1945, trong khoảng 13 năm, phong trào Thơ Mới Việt Nam đã trải qua bằng con đường rút ngắn

những giai đoạn mà nền thơ Pháp phải đi mất 50 năm" [11].

Không chỉ cảm nhận thế giới, nhờ sử dụng ẩn dụ bổ sung các nhà thơ đã tạo ra một thế giới "huyền diệu", một thế giới được cảm nhận khác với thế giới chúng ta. Thí dụ:

*Gió nhẹ, mây hờ, sương hơi hờ,  
Mưa thưa, nắng mỏng, nhạc khoan  
lời,*

*Dây đàn chậm chậm hôn trên phím  
Muôn vạn cung "Hò" là lướt rơi.*

(Vũ Hoàng Chương, *Dịu nhẹ*)

*Tiếng hát trong như tiếng ngọc tuyền  
Êm như hơi gió thoảng cung tiên  
Cao như thông vút buồn như liễu  
Nước lặng mây ngừng ta đứng yên.*

(Thế Lữ, *Tiếng gọi bên sông*)

(2) Giai đoạn văn học 1945- 1975, ẩn dụ bổ sung ít được dùng hơn giai đoạn văn học trước. Nhất là thời kì từ 1945 đến 1960, ẩn dụ bổ sung rất ít xuất hiện.

Trong giai đoạn lịch sử này, dân tộc ta có một mục đích tối cao là đấu tranh chống ngoại xâm, bảo vệ độc lập tự do và xây dựng đất nước, nên văn học có một nhiệm vụ mới, phục vụ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc vô cùng ác liệt và xây dựng xã hội chủ nghĩa. Trước nhiệm vụ đó, "cái tôi cá nhân" và những cảm xúc riêng tư tạm thời lắng xuống, thơ bớt đi chất trữ tình nội tâm mà hướng về thế giới khách quan, thể hiện những cảm xúc mới, cảm xúc mạnh mẽ về cuộc cách mạng của toàn dân, đi sâu thể hiện những tình cảm cao đẹp với tổ quốc, dân tộc. Con người trong văn học chủ yếu là con người của lịch sử, của sự nghiệp cách mạng trước thử thách quyết liệt: sự còn mất của tổ quốc, quyền độc lập tự do hay thân phận tôi đòi của dân tộc, nên văn học

mang tính sử thi hào hùng, vì vậy ẩn dụ bổ sung ít thấy được sử dụng hơn các phương tiện tu từ, biện pháp tu từ khác như sóng đôi, điệp ngữ, hoà hợp, liệt kê, so sánh... Thí dụ:

*Quán đi điệp điệp trùng trùng  
Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan.*

(Tố Hữu, *Việt Bắc*, 1954)

*Ta đi tới trên đường ta bước tiếp*

*Rắn như thép, vững như đồng*

*Đội ngũ ta trùng trùng điệp điệp*

*Cao như núi dài như sông*

(Tố Hữu, *Ta đi tới*, 1954)

*Không ai có thể ngủ yên trong  
đời chật*

*Buổi thủy triều vẫy gọi những  
vầng trăng,*

*Mỗi giá lúa đều muốn thêm nhiều hạt*

*Gỗ trăm cây đều muốn hoá nên  
trăm,*

*Mỗi chú bé đều nằm mơ ngựa sắt,*

*Mỗi con sông đều muốn hoá  
Bạch Đằng...*

(Chế Lan Viên, *Tổ quốc bao giờ  
đẹp thế này chăng?*, 1965)

Tuy vậy, trong những trang văn xuôi Nguyễn Tuân, Tô Hoài, Ma Văn Kháng, thơ Trần Đăng Khoa sáng tác vào thời kì 1960 - 1970, ẩn dụ bổ sung vẫn tiếp tục xuất hiện và có nhiều sáng tạo:

*"Bằng sáng tạo văn học, Thạch Lam đã làm cho tiếng nói Việt Nam gọn ghẽ đi, co duỗi thêm, mềm mại ra, và tươi đậm hơn." (Nguyễn Tuân, Thạch Lam)*

*"Không khí tinh mịch hoà hợp với hương thơm rất mỏng nhẹ của những giò phong lan nở hoa treo trên tường và hương chè ngan ngát có vị đường*

*phèn." (Ma Văn Kháng, Đồng bạc trắng hoa xoè)*

*"Em nghe thầy đọc bao ngày*

*Tiếng thơ đỏ nắng xanh cây quanh nhà." (Trần Đăng Khoa, Nghe thầy đọc thơ)*

(3) Giai đoạn 1975 đến nay:

Giai đoạn văn học này, ẩn dụ bổ sung lại xuất hiện đậm đặc trở lại trong cả thơ, thơ - văn xuôi và văn xuôi nghệ thuật.

Chiến thắng vang dội tháng Tư năm 1975 đã chấm dứt một giai đoạn lịch sử, đất nước bước sang một hoàn cảnh xã hội, lịch sử mới: Hoà bình và xây dựng, nền văn học Việt Nam hiện đại cũng chuyển sang một giai đoạn mới với những diễn biến phong phú, đa dạng. Một loạt những biến đổi quan trọng đã diễn ra trong văn học, nhất là quan niệm và ý thức nghệ thuật.

Trong không khí của thời đại lịch sử mới, ý thức cá nhân được phát triển mạnh mẽ, thể hiện xu hướng tất yếu của sự phát triển, tác động và làm biến đổi nhiều mặt của văn xuôi. Cảm hứng sử thi của giai đoạn văn học trước dần nhường chỗ cho những cảm xúc mới xoáy sâu vào những vấn đề của con người cá nhân, mối quan hệ cá nhân - xã hội, từ đó dẫn đến những đổi mới về thi pháp, điểm nhìn nghệ thuật. Nhà văn đã từ số phận, tính cách, đường đời của nhân vật mà soi chiếu trở lại lịch sử để từ đó khơi mở những vấn đề triết lí nhân sinh. Mỗi trang viết của các nhà văn đã bớt đi sự mô tả khách quan, đặc biệt là những tác phẩm thành công đều thấm đẫm suy nghĩ, xúc cảm, những trải nghiệm máu thịt của bản thân họ. Cuộc sống đã đi vào tác phẩm văn học cùng với sự tìm tòi "khám phá bản thân của chính người sáng tạo để trở thành một cách nhìn, một giọng nói riêng" [1].

Quan niệm mới về con người và sự thức tỉnh ý thức cá nhân cũng làm thay đổi tư thế và giọng điệu trữ tình trong thơ. Thơ không còn là khúc ca chung của cộng đồng, mà có xu hướng trở về bộc lộ cảm xúc của cá thể về những nỗi niềm muôn thuở của con người, tạo nên sự trầm lắng, sự lan truyền nội tâm. Cảm xúc cá nhân mở ra từ Thơ Mới với những nét đồng điệu hỗ trợ cho thơ trữ tình hôm nay trong việc khám phá và biểu hiện những sắc thái tinh cảm của con người, và đề thể hiện, diễn tả chiều sâu những cảm nhận tinh tế, đa dạng của tâm hồn thi sĩ, thơ hiện đại giai đoạn cuối thế kỉ XX và những năm đầu thế kỉ XXI vẫn cần đến một phương tiện biểu đạt mới xuất hiện thành trào lưu trong phong trào Thơ Mới đã trở thành quen thuộc là các ẩn dụ bồ sung. Bởi vậy, thơ ca giai đoạn này có ẩn dụ bồ sung xuất hiện khá nhiều, với những sáng tạo độc đáo cùng với những sáng tạo trong văn xuôi và thơ - văn xuôi, gây cảm xúc bất ngờ, thú vị cho người đọc. Thí dụ:

*Tuổi hoàng hôn vẹo nắng chiều*

*Lung còng cồng tiếng cháu reo  
vỡ trời.* (Thanh Hào)

*Anh cầm trên tay tiếng hót chim  
khuyên*

*Còn đọng lại ngọt lừ trong quả chín  
Một nửa quả mùa thu chưa kịp đến  
Còn mịn xanh sắc vỏ đợi bồi hồi.*

(Võ Văn Trực)

*Đình buông giọt mắt xuống sông  
Anh về dấu chi đò không cũng chìm.*

(Đồng Đức Bốn)

*Gửi đi một chút heo may  
Để bên ấy biết bên này thu sang.*

(Đặng Nguyệt Anh)

*Ô kìa lấp lánh dòng trăng  
Hẳn là chày tự vĩnh hằng về đây!*

(Trần Ninh Hồ)

*"Một dòng sông êm à chảy qua tôi,  
bồng bênh huyền ảo màn sương khuya.  
Một ngọn đèn con ướt át như từ nghìn  
trùng rọi tới, soi cho tôi đặt bàn chân  
lên cõi vô cùng. Một tiếng chim ứa ra  
từ nước mắt, rơi vút tắt trong yên lặng  
đất trời."* (Hoàng Vũ Thuật)

*"Cánh đồng mênh mông ướp hương  
lúa trở đồng. Mảnh trăng thượng tuần  
lơ lửng trên bầu trời trong suốt như  
thủy tinh. Hương tan vào lúa. Trăng  
đọng trong mắt anh. Chúng tôi nằm  
trên cỏ mềm, vây quanh là mùi đất ẩm  
nồng nàn, mùi đất ngái của những  
cọng cỏ non bị dập."* (Hiền Phương)

Vì sao ở giai đoạn này ẩn dụ bồ sung vẫn được sử dụng phổ biến trong thơ và văn xuôi? Ẩn dụ bồ sung là một thủ pháp nghệ thuật trong sử dụng ngôn từ bởi sức sáng tạo trong biểu đạt của ẩn dụ bồ sung vô cùng tinh tế. Có thể nói ẩn dụ bồ sung không chỉ là "sự tổng hoà các giác quan", là "siêu cảm giác" khi nhận thức thế giới, mà còn là sự bình giá năng lực của cảm giác, thể hiện tình cảm, trí tuệ sáng tạo của người sử dụng. Trong sự bình giá đó, ẩn dụ bồ sung đã nối liền chủ thể cảm nhận và khách thể vốn vẫn tồn tại như muôn đời của núi, của sông, của gió mây, cây cỏ, làm cho muôn vật núi sông cây cỏ bỗng sống động, có cảm xúc, có tâm hồn như con người.

Thí dụ: "Màn đêm mờ ảo đang  
lắng dần rồi chìm vào đất. Thành phố  
như bồng bênh nổi giữa một biển hơi  
sương... Ánh đèn từ muôn ngàn ô vuông  
cửa sổ loãng đi rất nhanh và thưa thớt  
tắt." (Nguyễn Mạnh Tuấn, Thành phố  
lúc rạng đông)

*Tiếng em nhẹ như hơi thơ  
Anh nghe để nhớ suốt đời.*

(Đỗ Trung Lai, Đêm sông Cầu)

Ở đây có sự bình giá tiếng nói của người nói, đồng thời cũng bình giá cả cảm nhận của chính người nghe: tiếng nói nhẹ nhàng để lại ấn tượng tốt đẹp trong lòng người. Người nghe cảm nhận tiếng nói dịu dàng ấy bằng tất cả sự tinh tế và tình cảm yêu thương triu mến. Sáng tạo của ẩn dụ bổ sung là sự bình giá cùng một lúc cả khách thể và chủ thể cảm nhận, vì vậy nó có giá trị biểu đạt cao và được dùng nhiều trong thơ trữ tình, ở đó đời sống nội tâm của mỗi cá nhân là hết sức phong phú. Nếu ngày trước Đoàn Phú Tứ thấy "*Hương thời gian thanh thanh*", Vũ Hoàng Chương thấy "*Khúc nhạc hồng êm ái, điệu kèn biếc quay cuồng*", còn Huy Cận thì thấy:

Sắc trời trôi nhạt *dưới khe*

*Chim đi lá rụng cành* nghe lạnh lùng

thì nay trong từng thời điểm, với từng đối tượng, mỗi chủ thể cảm nhận có thể phát huy khả năng lời nói, khả năng biểu đạt của mình một cách khác nhau. Đó chính là ngữ cảnh để ẩn dụ bổ sung phát huy sức sáng tạo tiềm tàng của nó.

Thí dụ: *Chính cái thứ hương cay cay, ngọt ngọt, nhằng nhặng đã đi theo riết tôi, đã níu tôi với cả quãng thời thơ ấu bình yên.* (Đỗ Bích Thúy, *Ngài đang ở trên núi*)

*Đêm xuống rồi giữa đồng cỏ bao la*

*Bỗng vỡ ra tiếng gọi bò thảm thiết*

*Tiếng gọi bò hai đầu đêm biển biệt*

*Cứ loang vào vầy lầy không gian*

*Tiếng gọi bò về đêm đặc khan*

Nghe chơi với *còn cào* trong khoảng vắng

... (Văn Lê, *Tiếng gọi bò*)

Nghiên cứu mối quan hệ giữa cái quy chiếu với ẩn dụ bổ sung, cũng thấy

những điều lí thú. Vì tín hiệu ngôn ngữ có tính khái quát, trừu tượng nên sự biểu đạt trong sự bình giá phải linh hoạt, biến hoá, phải biết vận dụng một cách sáng tạo các phương tiện tu từ: nhân hoá, so sánh, ẩn dụ... để đối tượng miêu tả - cái được quy chiếu (chủ đề phản ánh) - hiện lên qua ngôn từ (cái qui chiếu) - như chính nhà văn đã thấy bằng mắt, bằng tai, bằng liên tưởng và tưởng tượng.

Với ẩn dụ bổ sung cũng vậy, cái được quy chiếu sẽ được biểu hiện qua nghệ thuật sử dụng ngôn từ để có thể hiện lên như nó đã tồn tại trong hiện thực và được cảm nhận qua lăng kính của nhà văn. Nhưng không phải với sự vật khách quan nào cũng có thể sử dụng ẩn dụ bổ sung, mà chỉ khi cái được quy chiếu - đối tượng phản ánh - là kết quả của sự cảm nhận nhiều chiều của cảm giác, nhà thơ đồng nhất với thế giới khách quan thì mới dùng ẩn dụ bổ sung, và khi đó, ẩn dụ bổ sung mới phát huy sức biểu đạt của mình. Thí dụ:

*Hãy tự buống cho* khúc nhạc hương...

*Dẫn vào thế giới của Du Dương*

*Ngừng hơi thở lại* xem trong ấy

*Hiện hiện hoa và phảng phất hương...*

(Xuân Diệu, *Huyền diệu*)

Là một hiện tượng ngôn ngữ, nhưng ẩn dụ bổ sung không đơn thuần là sự cộng lại của các đơn vị ngôn từ, mà là sự sáng tạo độc đáo của nhà nghệ sĩ trong nghệ thuật lựa chọn và kết hợp các đơn vị ngôn từ, tạo thành phương tiện tu từ giàu giá trị biểu hiện, được người đọc cảm nhận một cách thích thú. Ưu điểm lớn của ẩn dụ bổ sung là khắc phục được tính hình tuyến của ngôn ngữ bằng không gian nhiều chiều, có thể đồng thời cảm nhận được nhiều cảm giác khác nhau, tạo thành sự tổng hoà các giác quan, làm cho sự biểu đạt không chỉ có trật tự trước sau của

thời gian, để cái được biểu đạt - hiện thực quy chiếu - hiện lên như hiện thực đa dạng nhiều hướng vốn có của nó.

Thí dụ: Mùi hương ngòn ngọt, *nhức đầu của những loài hoa rừng không tên* đắm mình vào ánh nắng *ban trưa*. (Đoàn Giỏi, *Rừng cây trong nắng*)

Và như vậy, lấy chất liệu từ ngôn ngữ của dân tộc làm phương tiện xây dựng hình tượng nghệ thuật, biểu hiện cảm xúc, cảm hứng nghệ thuật, cảm hứng thẩm mỹ, ẩn dụ bổ sung - cái quy chiếu - đã sử dụng linh hoạt hình ảnh, màu sắc, đường nét, âm thanh do từ ngữ chứa đựng để biểu hiện cảm nhận nhiều chiều về đối tượng miêu tả - cái được quy chiếu - tạo nên chiều sâu của nghệ thuật góp phần làm cho văn học trở thành loại hình nghệ thuật mang tính tổng hợp, có ưu thế trong việc phản ánh cuộc sống một cách trọn vẹn. Bằng ẩn dụ bổ sung, nhà văn có thể vừa vẽ nên những bức tranh ngôn từ tuyệt diệu về cảnh thiên nhiên đất nước, vừa bộc lộ cảm xúc sâu sắc, phong phú của tâm hồn con người. Mặt khác, ẩn dụ bổ sung, vốn lấy chất liệu từ ngôn từ, còn được đưa vào các cung bậc nhạc điệu, làm cho văn học, đặc biệt là thơ ca, mang tính nhạc sâu sắc, để "Thơ là thơ, đồng thời cũng là họa, là nhạc, là chạm khắc theo cách riêng" (Sóng Hồng). Chẳng hạn như những câu thơ sau:

*Thu lạnh càng thêm nguyệt tỏ người*

*Đàn ghê như nước, lạnh, trời ơi*

*Long lanh tiếng sỏi vang vang hân:*

*Trăng nhớ Tầm Dương, nhạc nhớ người...* (Xuân Diệu, *Nguyệt Cầm*)

Như ở trên đã phân tích, ẩn dụ bổ sung trong mỗi quan hệ với cái quy chiếu, ta thấy xét trong quan hệ dọc đó là sự chuyển đổi trường nghĩa cảm giác, và trong quan hệ ngang ta sẽ thấy một

sự kết hợp không bình thường (vi phạm quy tắc kết hợp), tạo ra khung một cách khéo léo, một cái nhìn thế giới.

Biên độ của ngữ cảnh này có thể chỉ trong phạm vi một phát ngôn (câu):

Thí dụ: *Chiếc dao hồn tôi rợn bốn bề*. (Xuân Diệu)

Nắng vàng ong *như mật* chảy trên tán biếc xanh. (Nguyễn Trí Đạt)

và cũng có thể lớn hơn một phát ngôn, trải ra trong một đoạn văn, đoạn thơ:

Thí dụ:

*Một buổi trong rừng chim "hít cô"*

*Dịu dàng buông nhẹ xuống hư vô*

*Những tràng ngọc tiếng lẳng trong gió*

Theo những dòng mây chày lặng lẽ.

(Yến Lan)

"*Anh thường ghé vào những quán ba tôi tàn của người da đen để đắm mình trong suối nhạc jazz trầm buồn da diết mà đại nhạc sĩ da đen Luis Armstrong đã rút ruột tấu lên suốt tháng năm dằng dặc. Nhạc sĩ saxo thiên tài này tuyệt đối không đem tiếng kèn nặng đầy tâm thức, nặng đầy thiên chức của mình để mua vui cho lớp thượng lưu trong những khu da trắng. Ông lang thang khắp các quán rượu rẻ tiền, những khu ổ chuột tù đọng, những xô xinh không ánh điện của người da màu, rút ruột mình ra trải vào âm nhạc. Tiếng kèn saxophone bay la đà trên bến tàu Huston, tan loãng vào những khối nhà building khổng lồ cô quạnh. Cũng có khi âm nhạc xiêu xô khóc cười trên những con phố bẩn thỉu đầy chuột cống, cho đến lúc gục xuống bên xác một con tàu mòn gi đứt dây neo, dập dờn trên sóng vịnh Manhattan, lòng vẫn không người khát thêm một đại dương xa thăm...*"

(Nguyễn Đức Vinh)

Hay:

*Này lắng nghe em khúc nhạc thom...*

*Say người như rượu tới tận hồn;*

*Như hương thấm đượm qua xương  
tủy.*

*Âm điệu thần tiên, thấm tận hồn.*

(Xuân Diệu)

Ở đây, ẩn dụ bổ sung làm thành một liên kết trong mạch liên kết tu từ ở hai dòng đầu có thể so sánh với hai dòng cuối trong khổ thơ ở một thủ pháp và phương tiện tu từ khác. Nó tạo ra một điểm nhân tu từ làm tâm của ngữ cảnh, tức là đập vào tri giác của chúng ta những cảm giác và ấn tượng kép, từ đó gọi lên một sức cảm nhận mới không giống với lối so sánh, hoán dụ hay với những phương tiện tu từ khác.

Nói cách khác, ngữ cảnh có ẩn dụ bổ sung là ngữ cảnh đặc biệt do chuyên trường nghĩa cảm giác, do hiệu quả của điểm nhân tu từ tạo ra làm tâm của ngữ cảnh tu từ.

Là một trong những phương tiện tu từ thuộc nhóm ẩn dụ, ẩn dụ bổ sung đã nâng giá trị nghệ thuật của tiếng nói dân tộc, đơn giản mà phong phú, rõ ràng, vừa sinh động, thể hiện đủ mọi sắc độ của mùi vị, màu sắc, âm thanh... mở ra nhiều nguồn cảm xúc dào dạt, tinh vi, giúp nhà nghệ sĩ và người đọc hoà vào thiên nhiên kì thú.

Là một phương tiện tu từ được miêu tả trong phong cách học, ẩn dụ bổ sung được ngữ nghĩa học, tín hiệu học lí giải bằng sự chuyển đổi chức năng quy chiếu và đặc biệt là lí thuyết chuyên trường nghĩa, lí thuyết ngữ dụng ngữ nghĩa lí giải một cách hệ thống và đầy đủ có tính ẩn dụ. Tuy ẩn dụ bổ sung được sử dụng thành trào lưu khá muộn trong sáng tạo văn học, nhưng khi văn học đòi hỏi một bước phát triển mới, thì với việc sử dụng ẩn dụ bổ sung, văn

học tiếp nhận một phương tiện sáng tạo đặc sắc: phát triển tư duy nghệ thuật, mở rộng không gian, đưa nghệ sĩ hoà nhập vào thế giới thiên nhiên mĩ lệ, nhờ đó những năng lực diễn đạt tiềm tàng của tiếng Việt được phát huy và văn học Việt Nam phát triển phong phú. Có thể nói, ẩn dụ bổ sung là một khám phá mới về tiềm năng biểu đạt của tiếng Việt và kho tàng văn học Việt Nam.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Tuấn Anh, Những vấn đề lí luận và lịch sử văn học, Viện văn học, 1999, tr. 483.
2. Đỗ Hữu Châu, Trường từ vựng ngữ nghĩa và ngôn ngữ văn học, T/c Ngôn ngữ, Số 3, 1974.
3. Đỗ Hữu Châu, Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt, Nxb ĐHQG. H., 1996.
4. Nguyễn Đức Dân, Ngữ dụng học, Nxb GD, 2002.
5. Hoàng Ngọc Hiến, Chủ nghĩa tượng trưng và thơ mới, trong cuốn Nhìn lại một cuộc cách mạng trong thơ ca, Nxb GD, H., 1997, tr. 138.
6. Nguyễn Thái Hoà, Phân tích Phong cách học, ĐHSP, H., 1983.
7. Đinh Trọng Lạc, Giáo trình Việt ngữ, Tập 3, Nxb GD, 1964.
8. Đinh Trọng Lạc, Vấn đề xác định phân loại, và miêu tả các phương tiện tu từ, T/c Ngôn ngữ, Số 4, 1992.
9. Đinh Trọng Lạc - Nguyễn Thái Hoà, Phong cách học tiếng Việt, Nxb GD, 1993.
10. Đinh Trọng Lạc, Phong cách học tiếng Việt, Nxb GD, 1997.
11. Hoàng Nhân, Xuân Diệu và Baudelaire, T/c Văn học, Số 4, 1996.
12. Nhiều tác giả, Nhìn lại một chặng đường thi ca, Nxb GD, 1997.
13. Cù Đình Tú - Lê Anh Hiến - Nguyễn Thái Hoà - Võ Văn Bình, Phong cách học tiếng Việt, Nxb GD, 1982.